UBND TỈNH CAO BẰNG

Biểu số 51/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**9.842.529.000**	**5.626.187.000**	**4.077.317.000**	**39.818.000**	**1.300.000**	**97.907.000**					
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**9.221.212.000**	**5.530.036.000**	**3.656.080.000**	**35.096.000**							-
1	Tỉnh ủy Cao Bằng	96.522.000		96.522.000								
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	27.897.000		27.897.000								
3	Văn phòng UBND tỉnh	47.911.000		47.911.000								
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	7.790.000		7.790.000								
5	Sở Tài chính	73.481.000	10.343.000	28.042.000	35.096.000							
6	Sở Ngoại vụ	23.244.000		23.244.000								
7	Sở Nội vụ	256.405.000		256.405.000								
8	Thanh tra nhà nước	25.370.000		25.370.000								
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	167.968.000	100.000	167.868.000								
10	Sở Tư pháp	22.109.000		22.109.000								
11	Sở Công thương	36.068.000		36.068.000								
12	Sở Khoa học và Công nghệ	68.473.000		68.473.000								
13	Sở Xây dựng	4.717.342.000	4.406.197.000	311.145.000								
14	Sở Giáo dục & Đào tạo	745.760.000		745.760.000								
15	Sở Y tế	721.277.000		721.277.000								
16	Trường Chính trị Hoàng Đình Giong	14.185.000		14.185.000								
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	110.418.000		110.418.000								
18	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	79.613.000	40.100.000	39.513.000								
19	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng	65.583.000	2.000.000	63.583.000								
20	Báo Cao Bằng	39.548.000		39.548.000								
21	Quỹ Phát triển đất	30.000.000	30.000.000									
22	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	11.754.000		11.754.000								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Trung tâm phát triển quỹ đất	2.792.000		2.792.000								
24	Công an tỉnh	54.935.000	1.000.000	53.935.000								
25	Bộ chỉ huy quân sự	106.518.000		106.518.000								
26	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng	22.774.000		22.774.000								
27	Thi hành án	600.000		600.000								
28	Tòa án	500.000		500.000								
29	Thống kê tỉnh Cao Bằng	500.000		500.000								
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng	551.961.000		551.961.000								
31	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh Cao Bằng	149.700.000	147.700.000	2.000.000								
32	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	892.596.000	892.596.000									
33	Công ty TNHH Kolia Cao Bằng	94.000		94.000								
34	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Cao Bằng	122.000		122.000								
35	Công ty cổ phần chăn nuôi Ánh Dương	191.000		191.000								
36	Hợp tác xã Xuân Nguyên	64.000		64.000								
37	Công ty TNHH MTV Thuỷ nông Cao Bằng	48.490.000		48.490.000								
38	Bưu điện tỉnh	657.000		657.000								
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**	**4.722.000**			**4.722.000**							
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1.300.000**				**1.300.000**						
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**97.907.000**					**97.907.000**					
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**											
VI	**CHO BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**	**517.388.000**	**96.151.000**	**421.237.000**								
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**											